

Bản án số: **286/2025/HC-PT**

Ngày: 30-5-2025

V/v: “ *Khởi kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường, hỗ trợ  
và tái định cư khi thu hồi đất* ”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông **Đinh Phước Hòa**

*Các Thẩm phán:* ông **Phạm Ngọc Thái**

ông **Trần Quốc Cường**

**- Thư ký phiên tòa:** ông **Nguyễn Văn Nam**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 88/2025/TLPT-HC ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2024/HC-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1280/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Bà **Trần Thị G** - sinh năm 1965; Địa chỉ: **C N, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên**.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Ông **Ngô Minh T** - sinh năm 1975; Địa chỉ: **B N, phường G, TP T, tỉnh Phú Yên**. Có mặt

**2. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố T. Có đơn xin xét xử vắng mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T:* Bà **Nguyễn Thị Xuân Đ** - Phó Trưởng **Phòng T2**. Có mặt

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

**3.1 Ủy ban nhân dân phường F, thành phố T;**

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông **Đỗ Quốc T1** - Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường phường 6. Có mặt

3.2 Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T (Nay là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất - Ủy ban nhân dân thành phố T).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn P - Phó Giám đốc Ban quản lý. Có đơn xét xử vắng mặt

3.3 Ông Trần Quý M - sinh năm 1964; Địa chỉ: C N, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

3.4 Bà Trần Thị Minh G1 - sinh năm 1992; Địa chỉ: C N, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

3.5 Bà Trần Tâm G2 - sinh năm 2001; Địa chỉ: C N, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

3.6 Ông Trần Trọng L - sinh năm 1991; Địa chỉ: C N, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Quý M, bà Trần Thị Minh G1, bà Trần Tâm G2, ông Trần Trọng L: Ông Ngô Minh T - sinh năm 1975; Địa chỉ: B N, phường G, TP T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

\* **Người kháng cáo:** người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện bà Trần Thị G, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Ngô Minh T trình bày:*

Theo Quyết định số 5119/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân T để thực hiện dự án đường B, giai đoạn 2 tại phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên, U đã thu hồi của vợ chồng bà G diện tích đất 86,9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 13 tại khu phố B, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Theo Bảng tính chi tiết giá trị bồi thường ngày 11/12/2020 ngoài các khoản bồi thường và hỗ trợ bằng tiền thì U sẽ giao cho gia đình bà G một lô đất tái định cư, cụ thể: Vị trí lô đất được giao: Lô số 42-LK5; Diện tích được giao 110,75m<sup>2</sup>; Giá đất 3.000.000đ/m<sup>2</sup>. Tiền sử dụng đất phải nộp 332.250.000đ. Tiền sử dụng đất trừ và tiền BTHT 332.250.000đ. Số tiền thực nhận 383.921.231đ.

Đến ngày 16/9/2022, bà G nhận được Quyết định số 4452/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của U với nội dung “Huỷ nội dung liên quan ông (bà) Trần Quý M và Trần Thị G số thứ tự 157 tại Mục II Phương án số 03/PA-PTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất đã được U phê duyệt ngày 11/02/2020. Lý do căn cứ khoản 1 Điều 75, điểm a khoản 1 Điều 79 Luật đất đai 2013, ông Trần Quý M và bà Trần Thị G thực tế không sinh sống tại nơi có đất bị thu hồi.”

Nội dung nêu trên của Quyết định 4452/QĐ-UBND đã thay đổi phương án bồi thường đất, huỷ bỏ việc cấp lô đất tái định cư cho vợ chồng bà G như vậy là không đúng. Vì trước đây ngày 08/3/2022 tôi được mời đến nhận tiền bồi thường hỗ trợ theo đúng với giá trị bồi thường hỗ trợ được nêu tại Bảng tính chi tiết giá trị bồi thường ngày 11/12/2020 nhưng không được chi trả tiền bồi thường và nói hoãn

lại. Vì nghĩ rằng việc đền bù hoàn tất nên chấp hành theo chủ trương của đảng và nhà nước, vợ chồng tôi đã chủ động di dời những vật dụng sinh hoạt hằng ngày về nơi ở khác tại phường G, còn lại bàn ghế, giường được tháo rời để di dời sau.

Ngày 29/3/2022, UBND thành phố T, phường F cùng Tổ công tác xã hội đến nhà xác minh nơi ở của người dân. Lúc này đồ đạc liên quan đến việc sinh hoạt hằng ngày đều đã được chuyển đi hết nên UBND phường F xét cho hộ gia đình bà G là không cư trú tại phường F. Do đó, U đã ra Quyết định 4452/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 thay đổi phương án bồi thường đất, huỷ bỏ việc cấp đất tái định cư. UBND phường F cho rằng gia đình bà G không cư trú tại thửa đất bị thu hồi là không đúng. Cả gia đình bà Trần Thị G, chồng Trần Quý M – sinh năm 1964; Trần Thị Minh G1 – sinh năm 1992; Trần Tâm G2 – sinh năm 2001 (Cùng địa chỉ: C N, phường G, TP T) trước khi có Quyết định số 5119/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân T thì bà Trần Thị G cùng chồng và các con vẫn sinh sống tại địa chỉ khu phố B, phường F, TP T, tỉnh Phú Yên; Bà Trần Thị Minh G1 có chồng là Trần Trọng L và con là Trần Cát Minh K cùng ở với với vợ chồng bà G, chưa có chỗ ở. Do đó nhu cầu về chỗ ở hiện nay là rất cấp thiết.

Do đó bà G khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố T đề nghị giải quyết các vấn đề sau:

- Huỷ một phần Quyết định số 4452/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của U về việc huỷ một phần nội dung phương án số 03/PA-PTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất đã được UBND thành phố T phê duyệt vào ngày 11/02/2020 phần liên quan đến ông Trần Quý M và bà Trần Thị G;

- Buộc UBND thành phố T thực hiện trình tự, thủ tục giao đất tái định cư cho ông Trần Quý M và bà Trần Thị G theo đúng quy định pháp luật.

**Người bị kiện UBND thành phố T trình bày:** Nội dung khởi kiện của bà Trần Thị G yêu cầu huỷ Quyết định số 4452/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND thành phố T về việc huỷ một phần nội dung Phương án số 03/PA-PTQĐ về giao đất tái định cư cho các hộ gia đình trúng giải tỏa Dự án: Đường B giai đoạn 2 và được UBND thành phố phê duyệt ngày 11/02/2020 là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì:

- Căn cứ lập phương án bố trí tái định cư:

Ngày 09/4/2018, UBND thành phố T ban hành Kế hoạch số 83/KH- UBND về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Dự án Đường B giai đoạn 2.

Căn cứ nội dung Thông báo số 1322/TB-UBND ngày 16/4/2018 của UBND thành phố T về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường B giai đoạn 2; Thông báo số 260/TB-UBND ngày 09/3/2020 của UBND thành phố T về việc Điều chỉnh nội dung Khoản 1, Thông báo số 1322 /TB- UBND ngày 16/4/2018 của UBND thành phố T cụ thể diện tích thu hồi 81,5m<sup>2</sup> thành 86,9m<sup>2</sup>; Ngày 29/3/2022 UBND thành phố Thông báo số 382/TB- UBND Điều chỉnh nội dung Khoản 2 Thông báo số 260/TB-UBND cụ thể: Thu hồi đất của hộ ông (bà) Trần

Thị G; địa chỉ thường trú: Khu phố B, Phường F thành phố T thành Thu hồi đất của ông Trần Quý M và bà Trần Thị G; địa chỉ thường trú: C N, Phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Ngày 10/8/2018, F phối hợp Trung tâm Phát triển Quỹ đất thực hiện kiểm đếm, đo đạc đất, tài sản có trên đất trường hợp bà Trần Thị G.

Ngày 14/12/2018, F hợp xác định nguồn gốc, loại đất, thời điểm xây dựng nhà ở các hộ trúng giải tỏa để thực hiện Dự án: Đường B giai đoạn 2 trên địa bàn Phường F. Đối với trường hợp ông Trần Quý M và bà Trần Thị G - địa chỉ thường trú tại khu phố B, Phường F, ông Trần Quý M và bà Trần Thị G được UBND thành phố T cấp GCN QSD đất số BA 711481 ngày 19/01/2020 tại thửa đất số 155, tờ bản đồ số 13, diện tích 86,9m<sup>2</sup>, loại đất ODT, diện tích trúng giải tỏa 86,9m<sup>2</sup>. Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 6 Quyết định 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh P: Diện tích trúng giải tỏa 86,9m<sup>2</sup>, đủ điều kiện bồi thường 86,9m<sup>2</sup>, loại đất ODT; Đề nghị xem xét giao đất tái định cư.

Trên cơ sở báo cáo đề nghị xem xét giao đất tái định cư đối với trường hợp ông Trần Quý M và bà Trần Thị G của F. Ngày 11/02/2020, Trung tâm P1 (nay là Ban Q quỹ đất thành phố T) lập Phương án số 03/PA-PTQĐ về giao đất tái định cư cho các hộ gia đình trúng giải tỏa Dự án: Đường B giai đoạn 2 và được UBND thành phố phê duyệt. Sau khi Phương án số 03/PA-PTQĐ được phê duyệt, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố đã tổ chức bốc thăm giao đất tái định cư, trong đó có trường hợp ông Trần Quý M, vợ là bà Trần Thị G bốc thăm trúng lô đất số 42-LK5, diện tích 110,75m<sup>2</sup> thuộc khu tái định cư: HTKT khu tái định cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án Đường B giai đoạn 2 (khu đất số 4).

- Căn cứ hủy một phần phương án bố trí tái định cư: Ngày 23/3/2022, F có Công văn số 30/UBND gửi UBND thành phố (qua Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố) về việc điều chỉnh một số nội dung liên quan đến trường hợp ông Trần Quý M, vợ là bà Trần Thị G, nội dung: Về đối tượng: Ông Trần Quý M, bà Trần Thị G không còn nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường F; ông Trần Quý M, bà Trần Thị G thực tế không sinh sống ai thửa đất trúng dự án từ năm 2015 đến nay (theo biên bản làm việc của UBND phường 6 đề ngày 09/3/2022). Căn cứ quy định tại Điều 86 Luật Đất đai 2013, ông Trần Quý M, bà Trần Thị G không thuộc trường hợp “...người có đất ở thu hồi thuộc đối tượng phải di chuyển chỗ ở...” không đủ điều kiện đề nghị xem xét giao đất tái định cư. F đề nghị Trung tâm Phát triển Quỹ đất, UBND thành phố T hủy kết quả bốc thăm.

Ngày 19/8/2022, phòng T3 thành phố có Báo cáo số 372/BC-TNMT, nội dung: Đối với trường hợp ông Trần Quý M, bà Trần Thị G: Căn cứ Khoản 1 Điều 75, Điểm a, Khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai 2013 kiến nghị UBND thành phố Tuy Hòa hủy một phần phương án giao đất tái định cư, kết quả bốc thăm giao đất đối với trường hợp ông Trần Quý M, bà Trần Thị G. Đồng thời đề nghị điều chỉnh phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư. do: vì ông Trần Quý M, bà Trần Thị G thực tế không sinh sống tại nơi có bị thu hồi.

Ngày 26/8/2022, UBND thành phố có Công văn số 5547/UBND, thống nhất nội dung kiến nghị của **phòng T3** thành phố tại Báo cáo số 372/BC-TNMT ngày 19/8/2022 nêu trên.

Ngày 29/8/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố có Tờ Trình số 238/TTr-PTQĐ về việc đề nghị hủy một phần nội dung Phương án số 03/PA-PTQĐ ngày 11/02/2020 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố đã được UBND thành phố phê duyệt và hủy kết quả bóc thăm đối với trường hợp ông **Trần Quý M**, bà **Trần Thị G**.

Ngày 16/9/2022, UBND thành phố ban hành Quyết định số 4452/QĐ-UBND về việc hủy một phần nội dung Phương án số 03/PA-PTQĐ của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố đã được UBND thành phố phê duyệt vào ngày 11/02/2020, trong đó hủy nội dung liên quan đến ông **Trần Quý M**, bà **Trần Thị G**, số thứ tự 157 tại Mục II, Phương án số 03/PA-PTQĐ của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố đã được UBND thành phố phê duyệt vào ngày 11/02/2020. Lý do: Căn cứ Khoản 1, Điều 75 và Điểm a, Khoản 1, Điều 79 Luật Đất đai 2013, ông **Trần Quý M**, bà **Trần Thị G** thực tế không sinh sống tại nơi có đất bị thu hồi. Đồng thời Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND Phường 6 và bà **Trần Thị G** lập biên bản hủy kết quả bóc thăm trúng lô đất số 42-LK5, diện tích 110,75m<sup>2</sup> thuộc khu tái định cư: HTKT khu tái định cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án **Đường B** giai đoạn 2 (khu đất số 4).

Như vậy, **UBND thành phố T** ban hành Quyết định số 4452/QĐ- UBND ngày 16/9/2022 về việc hủy một phần nội dung phương án số 03/PA- PTQĐ của Trung tâm Phát triển quỹ đất đã được UBND thành phố phê duyệt vào ngày 11/02/2020 là đúng quy định pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, nội dung khởi kiện của bà **Trần Thị G** yêu cầu. **UBND thành phố T** giao đất tái định cư theo Phương án số 03/PA-PTQĐ của Trung tâm Phát triển quỹ đất đã được UBND thành phố phê duyệt vào ngày 11/02/2020 là không có cơ sở xem xét giải quyết.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

**1. Trung tâm phát triển quỹ đất TP T trình bày:** Ngày 11/02/2020, **Trung tâm P1** (nay là **Ban Q** quỹ đất **thành phố T**) lập Phương án số 03/PA-PTQĐ về giao đất tái định cư cho các hộ gia đình trúng giải tỏa Dự án: Đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (được UBND thành phố phê duyệt). Theo đó, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố tổ chức bóc thăm giao đất tái định cư, trong đó có trường hợp ông **Trần Quý M**, vợ là bà **Trần Thị G** bóc thăm trúng lô số 42-LK5, diện tích 110,75m<sup>2</sup> thuộc khu tái định cư: HTKT khu tái định cư phục vụ dự án **Đường B** giai đoạn 2 (khu đất số 4).

Ngày 23/3/2022, **F** có Công văn số 30/UBND về việc điều chỉnh một số nội dung liên quan đến trường hợp ông **Trần Quý M**, vợ là bà **Trần Thị G**, nội dung: Về đối tượng:... Ông **Trần Qui M1**, bà **Trần Thị G** không còn nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn **phường F**; ông **Trần Qui M1**, bà **Trần Thị G** thực tế không sinh sống

tại thửa đất trúng dự án từ năm 2015 đến nay (theo biên bản làm việc của F đề ngày 09/3/2022). Căn cứ quy định tại Điều 86 Luật Đất đai 2013, ông **Trần Quý M1**, bà **Trần Thị G** không thuộc trường hợp "...người có đất ở thu hồi thuộc đối tượng phải di chuyển chỗ ở..." không đủ điều kiện đề nghị xem xét giao đất tái định cư. F đề nghị Trung tâm Phát triển Quỹ đất, UBND thành phố T hủy kết quả bốc thăm.

Ngày 19/8/2022, phòng T3 thành phố có Báo cáo số 372/BC-TNMT, nội dung: Đối với trường hợp ông **Trần Quý M**, bà **Trần Thị G**: Căn cứ Khoản 1 Điều 75, Điểm a, Khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai 2013 kiến nghị UBND thành phố Tuy Hòa hủy một phần phương án giao đất tái định cư, hủy kết quả bốc thăm giao đất đối với trường hợp ông **Trần Quý M**, bà **Trần Thị G**. Đồng thời đề nghị điều chỉnh phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư. Lý do: vì ông **Trần Quý M**, bà **Trần Thị G** thực tế không sinh sống tại nơi có đất bị thu hồi.

Ngày 26/8/2022, UBND thành phố có Công văn số 5547/UBND, thống nhất nội dung kiến nghị của phòng T3 thành phố tại Báo cáo số 372/BC-TNMT ngày 19/8/2022 nêu trên.

Trên cơ sở đề xuất của F tại Công văn số 30/UBND ngày 23/3/2022; đề xuất của phòng T3 tại Báo cáo số 372/BC-TNMT ngày 19/8/2022 và thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố tại Công văn số 5547/UBND ngày 26/8/2022, ngày 29/8/2022 Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố có Tờ Trình số 238/TTr-PTQĐ về việc đề nghị hủy một phần nội dung trong Phương án số 03/PA-PTQĐ ngày 11/02/2020 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố đã được UBND thành phố phê duyệt và hủy kết quả bốc thăm đối với trường hợp ông **Trần Quý M**, bà **Trần Thị G**.

Ngày 16/9/2022, UBND thành phố ban hành Quyết định số 4452/QĐ-UBND về việc hủy một phần nội dung Phương án số 03/PA-PTQĐ của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố đã được UBND thành phố phê duyệt vào ngày 11/02/2020, trong đó hủy nội dung liên quan đến ông **Trần Quý M**, bà **Trần Thị G**, số thứ tự 157 tại Mục II, Phương án số 03/PA-PTQĐ được UBND thành phố phê duyệt vào ngày 11/02/2020. Lý do: Căn cứ Điều 75 và Điểm a, Khoản 1, Điều 79 Luật Đất đai 2013, ông **Trần Quý M**, bà **Trần Thị G** thực tế không sinh sống tại nơi có đất bị thu hồi.

**2. Ông Trần Quý M, bà Trần Thị Minh G1, bà Trần Tâm G2, ông Trần Trọng L có người đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Minh T trình bày:** Thống nhất với yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của người khởi kiện bà **Trần Thị G**. Ngoài ra không có yêu cầu, ý kiến gì khác.

**Người làm chứng bà Lê Thị D, ông Nguyễn R, ông Trần B trình bày:** nhà và đất của gia đình bà **Trần Thị G** bị trúng giải tỏa dự án đường B giai đoạn 2 nên đã chủ động di dời các vật dụng trong gia đình đi nơi khác sau khi nhận quyết định bồi thường tái định cư vào đầu năm 2022, nhưng hiện tại trong nhà bà giai vẫn còn một số vật dụng cũ như giường, chiếu, tủ lạnh và bà G cùng với người thân vẫn thường đi về cư trú và dọn dẹp tại căn nhà nói trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2024/HC-ST ngày 16/5/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

“Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 Luật Tổ tụng Hành chính.

Áp dụng các Điều 74, 75, 79, 83, 85, 86 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh P về việc quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh P về ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**Tuyên xử** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị G** về các yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 4452/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của U về việc hủy một phần nội dung phương án số 03/PA-PTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất đã được UBND thành phố T phê duyệt vào ngày 11/02/2020 phần liên quan đến ông **Trần Quý M** và bà **Trần Thị G**;

- Buộc UBND thành phố T thực hiện trình tự, thủ tục giao đất tái định cư cho ông **Trần Quý M** và bà **Trần Thị G** theo đúng quy định pháp luật.”

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/5/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị G** là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy đây là phiên tòa được mở lần 2 và người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ

sơ vụ án, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quyết định số 4452/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc hủy một phần nội dung phương án số 03/PA-PTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố T phê duyệt vào ngày 11/02/2020 phần liên quan đến ông Trần Quý M, bà Trần Thị G là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án hành chính theo quy định tại Điều 32 Luật tố tụng Hành chính là đúng.

[3] Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G vì cho rằng hộ gia đình bà G không sinh sống tại thửa đất bị thu hồi từ năm 2015 cho đến nay nên không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở và không đủ điều kiện tái định cư.

[4] Hộ gia đình bà Trần Thị G được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 711481 ngày 19/01/2010 đối với thửa đất số 155, tờ bản đồ số 13, diện tích 86,9m<sup>2</sup>, loại đất ODT cho ông Trần Quý M, bà Trần Thị G.

Thực hiện Dự án đường B, giai đoạn 2, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 5119/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 để thu hồi 86,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 13 tại khu phố B, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên của ông M, bà G.

Ngày 11/02/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất có Phương án số 03/PA-PTQĐ giao đất tái định cư cho các hộ gia đình cá nhân trúng giải tỏa, hộ gia đình ông Trần Quý M2, bà Trần Thị G được tái định cư lô đất có diện tích 90m<sup>2</sup>. Phương án trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố T phê duyệt. (b1 62).

[5] Tại Văn bản số 30/UBND ngày 23/3/2022, Ủy ban nhân dân phường F điều chỉnh một số nội dung liên quan đến trường hợp ông Trần Quý M3, bà Trần Thị G, có nội dung: ông Trần Quý M3-bà Trần Thị G thực tế không sinh sống tại thửa đất trúng dự án từ năm 2015 đến nay (theo biên bản làm việc của UBND phường F đề ngày 9/3/2022). Căn cứ Quy định tại Điều 86, luật đất đai năm 2013, ông Trần Quý M3-bà Trần Thị G không thuộc trường hợp “...người có đất ở thu hồi thuộc đối tượng phải di chuyển chỗ ở...” không đủ điều kiện đề nghị xem xét giao đất TĐC, UBND phường 6 đề nghị Trung tâm PTQĐ thành phố, UBND thành phố T hủy kết quả bốc thăm. (b1 104)

Ngày 16/9/2022, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 4452/QĐ-UBND về việc hủy một phần nội dung phương án số 03/PA-PTQĐ, có nội dung:

“Hủy nội dung liên quan ông (bà): **Trần Quý M** và **Trần Thị G**, số thứ tự 157 tại Mục II, Phương án số 03/PA-PTQĐ của Trung tâm Phát triển Quỹ đất đã được UBND thành phố phê duyệt vào ngày 11/02/2020.

Lý do: Căn cứ khoản 1 Điều 75, điểm a khoản 1 Điều 79 luật đất đai năm 2013, ông **Trần Quý M**, bà **Trần Thị G** thực tế không sinh sống tại nơi có đất bị thu hồi”.

Thấy:

Mặc dù “*Biên bản xác minh*” ngày 29/3/2022 của Ủy ban nhân dân phường F thể hiện nhà bà G không có nhà vệ sinh, không thấy đồ dùng cá nhân, không thấy đồ dùng sinh hoạt. Nhưng, theo “*Bảng tính chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi để thực hiện dự án đường B, giai đoạn 2*” ngày 11/12/2020, do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T lập đối với ông **Trần Quý M**, bà **Trần Thị G**, có những công trình sau: Nhà ở A1 24,6m<sup>2</sup>, lát gạch ceramic, chái tạm, hàng quán, cổng gỗ, B1 hầm rút nhà vệ sinh đường kính ngoài D=1m, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống nước sinh hoạt.... (bl 14). Như vậy, tại thời điểm kiểm kê tài sản thì nhà bà G phải có nhà vệ sinh, sau khi bị thu hồi đất thì hộ gia đình bà G đã di dời tài sản nên tại thời điểm xác minh 29/3/2022 thì không có đồ dùng sinh hoạt, đồ dùng cá nhân là phù hợp.

Theo “*Biên bản làm việc*” ngày 09/3/2022, bà G cho biết có chuyển khẩu sinh sống tại địa chỉ C N, phường G, thành phố T, tỉnh Phú yên từ đó đến nay. Nhưng cũng tại biên bản này thì bà G cho biết cũng “*thường xuyên ra vào để trông coi nhà cửa*” (bl 49). Như vậy, mặc dù đã chuyển hộ khẩu nhưng hộ gia đình bà G vẫn thực tế sử dụng nhà để ở cho đến khi Nhà nước thu hồi đất.

Như vậy, có cơ sở xác định tại thời điểm thu hồi đất thì hộ gia đình bà G vẫn đang sinh sống tại thửa đất bị Nhà nước thu hồi đất.

[6] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị G** là có căn cứ

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, Ủy ban nhân dân thành phố T không xuất trình thêm chứng cứ, tình tiết nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T.

[8] Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2024/HC-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Áp dụng khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận Ủy ban nhân dân thành phố T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số 0004416 ngày 17/6/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đinh Phước Hoà**